|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN AN LÃO  **TRƯỜNG THCS QUANG TRUNG** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HK II - NĂM HỌC 2022 - 2023**  **MÔN: TIN HỌC 7**  ***(Thời gian làm bài 45 phút )***  ***( Đề gồm 03 trang)*** |

1. **MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Chủ đề E.**  **Ứng dụng tin học** | 1. Bảng tính điện tử cơ bản | 2 |  | 1 |  |  |  |  |  | 15%  *(1.5 điểm)* |
| 2. Phần mềm trình chiếu cơ bản | 2 |  | 2 |  |  | 1 |  |  | 30%  *(3.0 điểm)* |
| **2** | **Chủ đề F. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính** | Một số thuật toán sắp xếp và tìm kiếm cơ bản | 4 |  | 3 |  |  | 1 |  | 1 | 55%  *(5.5 điểm)* |
| ***Tổng*** | | | ***8*** |  | ***6*** |  |  | ***2*** |  | ***1*** |  |
| **Tỉ lệ %** | | | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **70%** | | | | **30%** | | | | **100%** |

1. **BẢNG MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Chủ đề E.**  **Ứng dụng tin học** | 1. Bảng tính điện tử cơ bản | **Nhận biết**  – Nêu được một số chức năng cơ bản của phần mềm bảng tính.(Câu 1)  **Thông hiểu**  – Giải thích được việc đưa các công thức vào bảng tính là một cách điều khiển tính toán tự động trên dữ liệu.  (Câu 2,3)  **Vận dụng**  – Thực hiện được một số thao tác đơn giản với trang tính.  – Thực hiện được một số phép toán thông dụng, sử dụng được một số hàm đơn giản như: MAX, MIN, SUM, AVERAGE, COUNT, …  – Sử dụng được công thức và dùng được địa chỉ trong công thức, tạo được bảng tính đơn giản có số liệu tính toán bằng công thức.  **Vận dụng cao**  – Sử dụng được bảng tính điện tử để giải quyết một vài công việc cụ thể đơn giản. | 2(TN) | 1(TN) |  |  |
| 2. Phần mềm trình chiếu cơ bản | **Nhận biết**  – Nêu được một số chức năng cơ bản của phần mềm trình chiếu. (Câu 5, 7)  **Thông hiểu**  – Giải thích được một số chức năng định dạng đối tượng trên trang chiếu. (Câu 4, 6)  **Vận dụng**  – Sử dụng được các định dạng cho văn bản, ảnh minh hoạ và hiệu ứng một cách hợp lí. (Câu 1TL)  – Sao chép được dữ liệu phù hợp từ tệp văn bản sang trang trình chiếu.  – Tạo được một báo cáo có tiêu đề, cấu trúc phân cấp, ảnh minh hoạ, hiệu ứng động. | 2(TN) | 2(TN) | 1(TL) |  |
| **2** | **Chủ đề F. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính** | Một số thuật toán sắp xếp và tìm kiếm cơ bản | **Nhận biết**  – Nêu được ý nghĩa của việc chia một bài toán thành những bài toán nhỏ hơn. (Câu 8, 9, 13, 14)  **Thông hiểu**  – Giải thích được một vài thuật toán sắp xếp và tìm kiếm cơ bản, bằng các bước thủ công (không cần dùng máy tính).  – Giải thích được mối liên quan giữa sắp xếp và tìm kiếm, nêu được ví dụ minh hoạ.(Câu 10, 11, 12)  **Vận dụng**  – Biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán đó trên một bộ dữ liệu vào có kích thước nhỏ.(Câu 2TL)  **Vận dụng cao**  – Sử dụng được việc biểu diễn và mô phỏng được hoạt động của thuật toán đó trên một bộ dữ liệu vào có kích thước nhỏ.(Câu 3 TL) | 4(TN) | 3(TN) | 1(TL) | 1(TL) |
| **Tổng** | | |  | **8 TN** | **6 TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***40%*** | ***30%*** | ***20%*** | ***10%*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70%** | | **30%** | |

**C. ĐỀ BÀI**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN**: *(7.0 điểm)*

*Em hãy khoanh tròn vào chữ cái (A, B, C, D) đứng đầu câu trả lời đúng nhất trong các*

Cho bảng tính sau:

Các hàm sau cho kết quả bao nhiêu?

|  |
| --- |
|  |
| ***Hình 1*** |

**Câu 1:** Để kẻ đường biên cho các ô tính ta dùng:

A. lệnh Borders trong nhóm Font trên dải Home.

B. lệnh Fill Color trong nhóm Font trên dải Home.

C. lệnh Borders trong nhóm Font trên dải Insert.

D. lệnh Borders trong nhóm Font trên dải View.

**Câu 2:** Trong bảng dữ liệu của Hình 1, hàm =AVERAGE(E5:O5) tại ô có địa chỉ P5 sẽ cho kết quả bao nhiêu?

A. 4. B. 4.5. C. 4.8. D. 5.

**Câu 3:** Trong bảng dữ liệu của Hình 1, hàm =COUNT(E5:O5) tại ô có địa chỉ Q5 sẽ cho kết quả bao nhiêu?

A. 1. B. 2. C. 11. D. 12.

**Câu 4:** Câu nào sau đây SAI khi nói vê cấu trúc phân cấp?

A. Là cấu trúc gồm danh sách nhiều cấp.

B. Giúp làm cho nội dung cần trình bày có bố cục mạch lạc. dễ hiểu.

C. Cấu trúc này gồm một chuỗi các dấu đầu dòng ngang cấp nhau.

D Cấu trúc này được sử dụng nhiều trong soạn thảo văn bản. tạo bài trình chiếu.

**Câu 5:** Em hãy ghép mỗi nội dung ở cột A với một nội dung ở cột B sao cho được khẳng định đúng.

|  |  |
| --- | --- |
| A | **B** |
| 1. Định dạng văn bản trong trang chiếu | a) nội dung chính của trang chiếu. |
| 2. Định dạng làm nổi bật | b) cô đọng. |
| 3. Nội dung trên mỗi trang chiếu | c) cho văn bản trên một trang chiếu. |
| 4. Không nên dùng quá nhiều phông chữ | d) tương tự như định dạng trong soạn thảo văn bản. |

A. 1 – d.          2 – a.               3 – b.               4 – c.

B. 1 – a.          2 – b.               3 – c.               4 – d.

C. 1 – c.          2 – a.               3 – b.               4 – d.

D. 1 – b.          2 – a.               3 – c.               4 – d.

**Câu 6:** Các hiệu ứng động làm cho việc trình chiếu trở nên:

A. thu hút sự chú ý.

B. hấp dẫn.

C. rối mắt.

D. thu hút sự chú ý, hấp dẫn, sinh động.

**Câu 7:** Để chuyển một hình ảnh được chọn xuống bên dưới ta thực hiện nháy chuột phải lên hình ảnh chọn Order. Sau đó chọn:

A. Bring Forward. B. Send to Back.

C. Bring to Front. D. Send Backward.

**Câu 8:** Thuật toán tìm kiếm tuần tự thực hiện công việc như thế nào?

1. Sắp xếp lại dữ liệu theo thứ tự
2. Xem xét mục dữ liệu đầu tiên, sau đó xem xét lần lượt từng mục dữ liệu tiếp theo cho đến khi tìm thấy mục dữ liệu được yêu cầu hoặc đến khi hết danh sách.

C. Chia nhỏ dữ liệu thành từng phần để tìm kiếm.

D. Bắt đầu tìm từ vị trí bất kì của danh sách

**Câu 9:** Thuật toán tìm kiếm tuần tự thực hiện công việc gì?

1. Lưu trữ dữ liệu.
2. Sắp xếp dữ liệu theo chiều tăng dần.

C. Xử lí dữ liệu.

D. Tìm kiếm dữ liệu cho trước trong một danh sách đã cho

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** |
| **An** | **Bình** | **Hòa** | **Liên** | **Mai** | **Phương** | **Trang** | **Trúc** | **Tước** |

**Câu 10:**

Theo thuật toán tìm kiếm tuần tự, em hãy cho biết: để tìm khách hàng tên “ Trang”, thuật toán tìm kiếm tuần tự trải qua mấy bước?

1. 5. B. 6. C. 7. D. 8.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** |
| **An** | **Bình** | **Hòa** | **Liên** | **Mai** | **Phương** | **Trang** | **Trúc** | **Tước** |

**Câu 11:**

Theo thuật toán tìm kiếm nhị phân, em hãy cho biết: để tìm khách hàng tên “ Hòa”, thuật toán tìm kiếm nhị phân trải qua mấy bước?

1. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

**Câu 12:** Thuật toán tìm kiếm tuần tự cần tìm bao nhiêu bước để tìm thấy số 15 trong danh sách [ 1, 4, 8, 7, 10, 28]?

1. 5. B. 6. C. 7. D. 8.

**Câu 13:** Thuật toán sắp xếp nổi bọt sắp xếp danh sách bằng cách:

A. Chọn phần tử có giá trị bé nhất đặt vào đầu danh sách.  
B. Chọn phần tử có giá trị lớn nhất đặt vào đầu danh sách.  
C. Hoán đổi nhiều lần các phần tử liền kề nếu giá trị của chúng không đúng thứ tự.  
D. Chèn phần tử vào vị trí thích hợp để đảm bảo danh sách sắp xếp theo đúng thứ tự.

**Câu 14:** Chúng ta chia bài toán thành những bài toán nhỏ hơn để:

A. Thay đổi đầu vào của bài toán.

B. Thay đổi yêu cầu đầu ra của bài toán.  
C. Bài toán dễ giải quyết hơn.

D. Bài toán khó giải quyết hơn.

II. PHẦN TỰ LUẬN: (3.0 điểm)

**Câu 1:** *(1.0 điểm)* Hãy kể tên các thao tác có thể thực hiện đối với hình ảnh được chèn vào trang chiếu?

**Câu 2:** *(1.0 điểm)*

- Trong thuật toán sắp xếp nổi bọt thì dấu hiệu để biết dãy chưa sắp xếp xong là gì?

- Theo em, có phải với bất cứ dãy số nào cũng có thể áp dụng được thuật toán tìm kiếm nhị phân không? Giải thích tại sao.

**Câu 3:** *(1.0 điểm)* Hãy trình bày diễn biến từng bước của thuật toán tìm kiếm tuần tự áp dụng cho dãy số {11, 70, 18, 39, 63, 52, 41, 5} để tìm:

1) x = 39.

2) x = 60.

*----------Hết---------*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN AN LÃO  **TRƯỜNG THCS QUANG TRUNG** | **HƯỚNG DẤN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HK II**  **NĂM HỌC 2022 - 2023**  **MÔN: TIN HỌC 7**  ***( Hướng dẫn chấm gồm 01 trang)*** |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN**: *(7.0 điểm)*Mỗi đáp án đúng được 0.5đ

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| **Đáp án** | C | C | A | C | A | C | B | B | D | C | B | B | C | C |

**II. PHẦN TỰ LUẬN:** *(3.0 điểm)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Nội dung** | **Điểm** |
| Câu 1 | - Thay đổi kích thước  - Thay đổi vị trí  - Xoay hướng ảnh  - Tạo hiệu ứng động cho ảnh | *0.25 điểm*  *0.25 điểm*  *0.25 điểm*  *0.25 điểm* |
| Câu 2 | - Trong thuật toán sắp xếp nổi bọt thì dấu hiệu để biết dãy chưa sắp xếp xong là: vẫn còn cặp phần tử liền kề không đúng thứ tự mong muốn.  - Theo em, không phải với bất cứ dãy số nào cũng có thể áp dụng được thuật toán tìm kiếm nhị phân . Vì khi dãy có thứ tự thì mới áp dụng được tìm kiếm nhị phân. | *0.5 điểm*  *0.5 điểm* |
| Câu 3 | Dãy xuất phát:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Dãy | a1 | a2 | a3 | a4 | a5 | a6 | a7 | a8 | | 11 | 70 | 18 | 39 | 63 | 52 | 41 | 5 |   1) Số phải tìm là x (x=39). Các bước thực hiện tìm kiếm:   |  |  | | --- | --- | | Bước | Thực hiện | | 1 | So sánh số ở đầu dãy với x:  Vì a1 = 11 ≠x nên chuyển sang xét số tiếp theo a2 trong dãy | | 2 | So sánh số đang xét với x:  Vì a2 = 70 ≠x nên chuyển sang xét số tiếp theo a3 trong dãy. | | 3 | So sánh số đang xét với x:  Vì a3 = 18 ≠x nên chuyển sang xét số tiếp theo a4 trong dãy. | | 4 | So sánh số đang xét với x:  Vì a4 = 39 = x  Kết luận: Tìm thấy x ở vị trí thứ 4 trong dãy; kết thúc thuật toán. |   2) Số phải tìm là x (x=60). Các bước thực hiện tìm kiếm:   |  |  | | --- | --- | | Bước | Thực hiện | | 1 | So sánh số ở đầu dãy với x:  Vì a1 = 11 ≠x nên chuyển sang xét số tiếp theo a2 trong dãy | | 2 | So sánh số đang xét với x:  Vì a2 = 70 ≠x nên chuyển sang xét số tiếp theo a3 trong dãy. | | 3 | So sánh số đang xét với x:  Vì a3 = 18 ≠x nên chuyển sang xét số tiếp theo a4 trong dãy. | |  | ... | | 8 | So sánh số đang xét với x:  Vì a8= 55 ≠x và không chuyển số tiếp theo được nữa vì hết dãy.  Kết quả "Không tìm thấy". | | *0.25 điểm*  *0.25 điểm*  *0.25 điểm*  *0.25 điểm* |

*Quang Trung, ngày 30 tháng 3 năm 2023*

**NGƯỜI RA ĐỀ**

**Dương Thị Huyền Trang**

**XÁC NHẬN CỦA BAN GIÁM HIỆU XÁC NHẬN CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**